

Bản án số: 99/2025/DS-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Sơn
- Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Công Chúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Nguyễn Trường Giang** – Kiểm sát viên

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Công ty cổ phần M

Trụ sở: Tầng 12, Tòa nhà Việt Á, số 9, Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (nay là phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Sáng hoặc ông Đoàn Văn Thạnh hoặc bà Trần Thị Ngân Hà (ông Thạnh có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cityhouse, 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2. Ngân hàng TMCP VNTV

Địa chỉ: Tòa nhà VNTV Tower, số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (nay là phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hào hoặc ông Trần Nhật Bun (ông Hào có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cityhouse, 485B Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Bị đơn: Ông Châu Văn T, sinh năm: 1986 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp Cầu Ri, xã Sông Xoài, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần M là ông Đoàn Văn Thanh và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VNTV là ông Nguyễn Văn Hào trình bày:

Theo (các) Hợp đồng cho vay ký giữa VNTV với ông Châu Văn T, ông Châu Văn T đã có quan hệ tín dụng với VNTV, cụ thể theo (các) Hợp đồng như dưới đây:

- Hợp đồng cho vay số LN2212308007642 ký ngày 17/01/2023, số tiền cho vay: 4.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng cho vay số LN2304108877440 ký ngày 13/4/2023, số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng cho vay số LN2303108590412 ký ngày 16/03/2023, số tiền cho vay: 800.000.000 đồng;

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 22712 ký ngày 30/12/2022, hạn mức: 200.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Châu Văn T đã thế chấp (các) tài sản là:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404131**, Sổ vào sổ cấp GCN **CS03967** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404135**, Sổ vào sổ cấp GCN **CS03966** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404133**, Sổ vào sổ cấp GCN **CS03970** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404132**, Sổ vào sổ cấp GCN **CS03968** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404134**, Sổ vào sổ cấp GCN **CS03969** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404136**, Sổ vào sổ cấp GCN **CS03965** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Châu Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/10/2023 nên toàn bộ (các) khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS ngày 30/05/2024, Hợp đồng Chuyển nhượng số 05/2024/VPB-MARS ngày 30/05/2024 và cùng các Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP VNTV (VNTV) với Công ty cổ phần M (Mars) thì VNTV đồng ý bán và Mars đồng ý mua một phần khoản nợ của khách hàng vay là ông Châu Văn T bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Châu Văn T đã ký kết với VNTV cụ thể như sau:

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2212308007642 ký ngày 17/01/2023;
- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2304108877440 ký ngày 13/4/2023;
- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2303108590412 ký ngày 16/03/2023;
- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 22712 ký ngày 30/12/2022, hạn mức: 200.000.000 đồng.

Theo đó, VNTV đã chuyển giao một phần quyền sở hữu, quyền lợi, lợi ích của VNTV đối với các khoản vay này cho Mars, Mars được kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của VNTV tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi giải quyết xong toàn bộ khoản nợ. Ngày 16/04/2024, Công ty TNHH Một thành viên Mars đã được chuyển đổi thành Công ty cổ phần M, mã số doanh nghiệp và trụ sở của Công ty giữ nguyên. Việc thay đổi mô hình Công ty không làm ảnh hưởng đến các giao dịch, quan hệ, đối tác, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ cũng như việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch hiện tại.

Tạm tính đến ngày **30/07/2025**, ông Châu Văn T còn nợ Công ty Mars và VNTV tổng số tiền, cụ thể như sau:

• Nợ Ngân hàng VNTV:

Nợ gốc	780.000.000 đồng
Nợ lãi và lãi chậm trả	248.458.470 đồng
Tổng cộng	1.028.458.470 đồng

• Nợ Công ty Mars:

Nợ Mars	Nợ gốc	Nợ lãi và lãi chậm thanh toán	Tổng cộng
khoản vay	7.020.000.000 đồng	2.236.126.229 đồng	9.204.197.462 đồng
Thẻ tín dụng	192.229.342 đồng	213.639.654 đồng	405.868.996 đồng

Tổng cộng	7.212.229.342 đồng	2.449.765.883 đồng	9.661.995.225 đồng
------------------	---------------------------	---------------------------	---------------------------

• **Tổng nợ Mars và VNTV:**

	Nợ gốc	Nợ lãi và lãi chậm thanh toán	Tổng cộng
VNTV	780.000.000 đồng	242.688.607 đồng	1.022.688.607 đồng
Nợ Mars	7.212.229.342 đồng	2.449.765.883 đồng	9.661.995.225 đồng
Tổng cộng	7.992.229.342 đồng	2.698.224.352 đồng	10.690.453.695 đồng

Phản yêu cầu của Người khởi kiện:

Mars và VNTV kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các nội dung sau:

- Buộc ông Châu Văn T phải thanh toán cho Công ty cổ phần M và VNTV tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/07/2025 là: **10.690.453.695** đồng (trong đó, Nợ gốc: 7.992.229.342 đồng, Nợ lãi: 2.698.224.352 đồng) cụ thể:

+ Buộc ông Châu Văn T phải thanh toán cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/07/2025 là: **9.661.995.225** đồng (trong đó, Nợ gốc: 7.212.229.342 đồng, Nợ lãi: 2.449.765.883 đồng)

+ Buộc ông Châu Văn T phải thanh toán cho VNTV tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/07/2025 là: **1.028.458.470** đồng (trong đó, Nợ gốc: 780.000.000 đồng, Nợ lãi: 248.458.470 đồng).

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Châu Văn T thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty Mars và VNTV. Lãi phát sinh phải trả cho Mars và VNTV tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Châu Văn T không trả nợ đầy đủ cho Mars và VNTV thì Mars và VNTV có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Mars và/hoặc VNTV, cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404131**, Số vào sổ cấp GCN **CS03967** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404135**, Số vào sổ cấp GCN **CS03966** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404133**, Số vào sổ cấp GCN **CS03970** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404132**, Số vào sổ cấp GCN **CS03968** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404134**, Số vào sổ cấp GCN **CS03969** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022.

- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DH **404136**, Số vào sổ cấp GCN **CS03965** do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/09/2022

- Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông Châu Văn T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Mars và/hoặc VNTV.

Mọi chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng ông Châu Văn T phải chịu.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn 1Ngân hàng TMCP VNTV là ông Nguyễn Văn Hào và người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M là ông Đoàn Văn Thanh yêu cầu ông Châu Văn T phải thanh toán cho Công ty cổ phần M và VNTV tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 10.995.678.240 đồng (trong đó, Nợ gốc: 7.992.229.342 đồng, Nợ lãi: 3.003.448.898 đồng) cụ thể:

+ Buộc ông Châu Văn T phải thanh toán cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: **9.939.464.786** đồng (trong đó, Nợ gốc: 7.212.229.342 đồng, Nợ lãi: 2.727.235.444 đồng)

+ Buộc ông Châu Văn T phải thanh toán cho VNTV tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: **1.056.213.454** đồng (trong đó, Nợ gốc: 780.000.000 đồng, Nợ lãi: 276.213.454 đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tính lãi quá hạn từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Châu Văn T thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với 1Ngân hàng TMCP VNTV, lãi phát sinh phải trả cho Công ty cổ phần M và 1Ngân hàng TMCP VNTV tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Đối với yêu cầu về tài sản thế chấp, nguyên đơn vẫn giữ nguyên và không có thay đổi gì khác.

Bị đơn ông Châu Văn T vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi là 10.995.678.240 đồng (mười tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng) cụ thể:

- Trả cho VNTV tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 1.056.213.454 đồng (Bằng chữ: một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó, nợ gốc: 780.000.000 đồng, nợ lãi: 276.213.454 đồng
- Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 9.939.464.786 đồng (Bằng chữ: chín tỷ chín trăm ba mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc: 7.212.229.342 đồng, nợ lãi: 2.727.235.444 đồng

Buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV khởi kiện ông Châu Văn T yêu cầu ông Thanh phải trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP VNTV số tiền nợ gốc và lãi của các Hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại các hợp đồng cho vay mà ông Châu Văn T ký với 1Ngân hàng TMCP VNTV thể hiện địa chỉ của ông Thanh tại Ấp Cầu Ri, xã Sông Xoài, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh) nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Châu Văn T nhưng ông Thanh vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Thanh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của Công ty cổ phần M và 1Ngân hàng TMCP VNTV nhưng ông

Thanh không đến tòa trình bày ý kiến, không tham dự các buổi công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[5] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[6] Về các yêu cầu của đương sự:

6.1. Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số LN2212308007642 ngày 17/01/2023 ký giữa 1Ngân hàng TMCP VNTV với ông Châu Văn T và khế ước nhận nợ ngày 17/01/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2303108590412 ngày 16/3/2023 giữa 1Ngân hàng TMCP VNTV với ông Châu Văn T và khế ước nhận nợ ngày 17/3/2023; Hợp đồng cho vay số LN2304108877440 ngày 13/4/2023 và hai khế ước nhận nợ ngày 13/4/2023; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 22712 ngày 30/12/2022 thì các hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ được ký hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ về mặt hình thức và nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và khoản 7 Điều 1 thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng nhà nước. Tại thời điểm ký hợp đồng ông Thanh đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật nên các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

6.2. Xét tính pháp lý của hợp đồng mua bán nợ và quyền khởi kiện của Công ty cổ phần M: Ngày 30/5/2024 giữa 1Ngân hàng TMCP VNTV với Công ty TNHH MTV Mars (nay là Công ty cổ phần M) có ký với nhau một hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS và phụ lục 01 hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS. Việc mua bán nợ này được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 và Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 quy định: *“Bên mua nợ trở thành người kế thừa quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ”*

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty cổ phần M có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Châu Văn T trong phạm vi mua bán nợ của mình.

6.3. Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi của các nguyên đơn:

6.3.1. Xét yêu cầu trả nợ gốc và lãi của 1Ngân hàng TMCP VNTV

* Xét yêu cầu trả nợ gốc và lãi của Hợp đồng cho vay số LN2212308007642.

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số LN2212308007642 ngày 17/01/2023 và khế ước nhận nợ ngày 17/01/2023 thì có cơ sở xác định 1Ngân hàng TMCP VNTV đã thực hiện thực hiện việc giải ngân cho ông Châu Văn T số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) theo hợp đồng cho vay nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Thanh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên 1Ngân hàng TMCP VNTV đã chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn là phù hợp.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán nợ giữa 1Ngân hàng TMCP VNTV với Công ty cổ phần M thì 1Ngân hàng TMCP VNTV đã bán 90% khoản nợ này cho Công ty cổ phần M. Do đó, 1Ngân hàng TMCP VNTV chỉ còn 10% đối với khoản nợ trên tương ứng với số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Châu Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 10% nợ gốc của hợp đồng tín dụng và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 544.648.810 đồng (năm trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm mười đồng) trong đó bao gồm nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 9.407.123 đồng, lãi quá hạn 135.241.867 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

* Xét yêu cầu trả nợ gốc và lãi của Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2303108590412

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số LN2303108590412 ngày 16/3/2023 và khế ước nhận nợ ngày 17/3/2023 thì có cơ sở xác định 1Ngân hàng TMCP VNTV đã thực hiện thực hiện việc giải ngân cho ông Châu Văn T số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) theo hợp đồng cho vay nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Thanh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên 1Ngân hàng TMCP VNTV đã chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn là phù hợp.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán nợ giữa 1Ngân hàng TMCP VNTV với Công ty cổ phần M thì 1Ngân hàng TMCP VNTV đã bán 90% khoản nợ này cho Công ty cổ phần M. Do đó, 1Ngân hàng TMCP VNTV chỉ còn 10% đối với khoản nợ trên tương ứng với số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Châu Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 10% nợ gốc của hợp đồng tín dụng và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 105.009.885 đồng (một trăm lẻ năm triệu không trăm lẻ chín nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng) trong đó bao gồm nợ gốc 80.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 705.753 đồng, lãi quá hạn 24.304.132 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

* Xét yêu cầu trả nợ gốc và lãi của Hợp đồng cho vay số LN2304108877440

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số LN2304108877440 ngày 13/4/2023 và hai khế ước nhận nợ ngày 13/4/2023 thì có cơ sở xác định 1Ngân hàng TMCP VNTV đã thực hiện thực hiện việc giải ngân cho ông Châu Văn T số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) theo hợp đồng cho vay nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Thanh đã vi

phạm nghĩa vụ thanh toán nên 1Ngân hàng TMCP VNTV đã chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn là phù hợp.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán nợ giữa 1Ngân hàng TMCP VNTV với Công ty cổ phần M thì 1Ngân hàng TMCP VNTV đã bán 90% khoản nợ này cho Công ty cổ phần M. Do đó, 1Ngân hàng TMCP VNTV chỉ còn 10% đối với khoản nợ trên tương ứng với số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Châu Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 10% nợ gốc của hợp đồng tín dụng và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 406.554.759 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng) trong đó bao gồm nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.419.178 đồng, lãi quá hạn 103.135.581 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Tổng cộng số tiền ông Châu Văn T phải trả cho 1Ngân hàng TMCP VNTV là 1.056.213.454 đồng (một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 780.000.000 đồng, nợ lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) 276.213.454 đồng.

6.3.2. Xét yêu cầu trả nợ gốc và lãi của Công ty cổ phần M

Hội đồng xét xử xét thấy Công ty cổ phần M có quyền khởi kiện đối với 90% khoản nợ của hợp đồng cho vay số LN2212308007642 ngày 17/01/2023, hợp đồng cho vay hạn mức số LN230310859042 ngày 16/3/2023, hợp đồng cho vay số LN2304108877440 ngày 13/4/2023 và 100% khoản nợ của Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 22712 ngày 30/12/2022 theo như nhận định số 6.2. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần M về việc yêu cầu ông Châu Văn T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2025 của các hợp đồng nêu trên, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2212308007642 ngày 17/01/2023 là 4.901.839.297 đồng (bốn tỷ chín trăm lẻ một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng) Trong đó nợ gốc là 3.600.000.000 đồng (ba tỷ sáu trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 84.664.110 đồng, lãi quá hạn 1.217.175.187 đồng

- Hợp đồng cho vay hạn mức số LN230310859042 ngày 16/3/2023 là 945.088.974 đồng (chín trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng) Trong đó nợ gốc là 720.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 6.351.781 đồng, lãi quá hạn 218.737.193 đồng

- Hợp đồng cho vay số LN2304108877440 ngày 13/4/2023 là 3.658.992.837 đồng (ba tỷ sáu trăm năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn tám trăm ba

mười bảy đồng), trong đó nợ gốc 2.700.000.000 đồng, lãi trong hạn 30.772.603 đồng, lãi quá hạn 928.220.234 đồng

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 22712 ngày 30/12/2022 là 433.543.678 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là 192.229.342 đồng, lãi quá hạn 241.314.336 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Châu Văn T phải trả cho Công ty cổ phần M là 9.939.464.786 đồng (chín tỷ chín trăm ba mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 7.212.229.342 đồng, nợ lãi (trong hạn và quá hạn) là 2.727.235.444 đồng.

[7] Điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”* *“Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án*”. Do đó, ông Châu Văn T phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng cho vay số LN2212308007642 ngày 17/01/2023 và khế ước nhận nợ ngày 17/01/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2303108590412 ngày 16/3/2023 và khế ước nhận nợ ngày 17/3/2023; Hợp đồng cho vay số LN2304108877440 ngày 13/4/2023 và hai khế ước nhận nợ ngày 13/4/2023; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 22712 ngày 30/12/2022 giữa ông Châu Văn T với 1Ngân hàng TMCP VNTV kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp

Xét hợp đồng thế chấp số LN2212308007642 ngày 17/01/2023 tại Phòng công chứng số 1 thì tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ đúng quy định của pháp luật tại các Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật nên buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ Điều 5 của hợp đồng mua bán nợ thì 1Ngân hàng TMCP VNTV và Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và các tài sản phát sinh trên đất tại thời điểm thi hành án thuộc thửa 105 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404136, thửa 285 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404135, thửa 286 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404134, thửa 226 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404133, thửa 273 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404132 và thửa 298 tờ bản đồ số 20 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404131 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/9/2022 cho ông Châu Văn T để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Thanh trong trường hợp ông Thanh vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty cổ phần M.

[9] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Châu Văn T phải chịu số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Châu Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần M số tiền này.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn là ông Châu Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn 1Ngân hàng TMCP VNTV và Công ty cổ phần M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Châu Văn T

1.1. Buộc ông Châu Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho 1Ngân hàng TMCP VNTV và Công ty cổ phần M tổng số tiền nợ gốc và lãi là 10.995.678.240 đồng (mười tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng) cụ thể:

- Trả cho VNTV tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 1.056.213.454 đồng (Bằng chữ: một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó, nợ gốc: 780.000.000 đồng, nợ lãi: 276.213.454 đồng

- Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 9.939.464.786 đồng (Bằng chữ: chín tỷ chín trăm ba mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc: 7.212.229.342 đồng, nợ lãi: 2.727.235.444 đồng

1.2. Kể từ ngày 30/9/2025 ông Châu Văn T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng cho vay số LN2212308007642 ngày 17/01/2023 và khế ước nhận nợ ngày 17/01/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2303108590412 ngày 16/3/2023 và khế ước nhận nợ ngày 17/3/2023; Hợp đồng cho vay số LN2304108877440 ngày 13/4/2023 và hai khế ước nhận nợ ngày 13/4/2023; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 22712 ngày 30/12/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của 1Ngân hàng TMCP VNTV thì lãi suất mà ông Thanh phải tiếp tục thanh toán cho 1Ngân hàng TMCP VNTV và Công ty cổ phần M theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của 1Ngân hàng TMCP VNTV.

1.3. Trường hợp ông Châu Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho 1Ngân hàng TMCP VNTV và Công ty cổ phần M thì 1Ngân hàng TMCP VNTV và Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản phát sinh trên đất tại thời điểm thi hành án thuộc thửa 105 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh

Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404136, thửa 285 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404135, thửa 286 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404134, thửa 226 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404133, thửa 273 tờ bản đồ số 12 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404132 và thửa 298 tờ bản đồ số 20 thôn Bắc, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 404131 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 23/9/2022 cho ông Châu Văn T

Sau khi phát mãi tài sản mà không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Châu Văn T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho 1Ngân hàng TMCP VNTV và Công ty cổ phần M.

2. Về án phí:

2.1. Ông Châu Văn T phải chịu số tiền 118.995.678 đồng (một trăm mười tám triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho 1Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tạm ứng án phí là 19.380.000 đồng (mười chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) mà 1Ngân hàng TMCP VNTV đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001630 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh)

2.3. Hoàn lại cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí là 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) mà Công ty cổ phần M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001629 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Về chi phí tố tụng: Ông Châu Văn T có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần M 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Kể từ khi Công ty cổ phần M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Châu Văn T chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì ông Thanh phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV 12 - TPHCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy